CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 09THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***442 029***	***129 908***	***312 121***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**70 869**	**4 872**	**65 997**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***6 882***	***4 872***	***2 010***			
1		ĐẠM HÀ BẮC	05/06	968/06		QN 4140	CÁM 4A.1	1 800	1 776	24	7/6		
2		CP VTT VINACOMIN	02/06	954/05	17/06	BN 1336	CỤC XÔ 1C	1 020	1 012	8	7/6	TD	
3		V-TRACO	03/06	945/05	18/06	BN 2388	CỤC XÔ 1C	1 450	373	1 077	DỞ	TD	
4		CROMIT THANH HOÁ	04/06	965/06	19/06	CHÍ THÀNH 68	CÁM 5A	2 612	1 710	902	DỞ	PTCB	
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***63 987***		***63 987***			
1		KDT BẮC THÁI	29/04	572/04	30/04	HD 2095	CÁM 1	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	29/04	573/04	30/04	BN 2022	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		KDT BẮC THÁI	29/04	574/03	30/04	BN 1958	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
4		CROMIT THANH HOÁ	30/04	614/04	29/04	BN 2565	BÙN 3A	1 958		1 958		TD	GIA HẠN L1
5		CROMIT THANH HOÁ	30/04	615/04	29/04	BN 2395	BÙN 3B	1 969		1 969		TD	GIA HẠN L1
6		XD CN MỎ	30/05	631/04	31/05	BN 2519	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		XD CN MỎ	30/05	730/04	31/05	BN 2276	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
8		XD CN MỎ	30/05	751/04	31/05	BN 0679	CÁM 4B.1	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L1
9		KDT BẮC THÁI	30/05	760/04	31/05	BN 1818	CÁM 1	1 980		1 980		TD	GIA HẠN L1
10		KDT BẮC THÁI	30/05	761/04	31/05	NB 8011	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
11		KDT BẮC THÁI	30/05	762/04	31/05	BN 1363	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
12		CROMIT THANH HOÁ	30/05	786/04	31/05	HD 2558	CỤC XÔ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L1
13		CROMIT THANH HOÁ	31/05	796/04	31/05	HD 2266	CÁM 4B.1	1 980		1 980		TD	
14		CP VTT VINACOMIN	02/05	808/05	16/05	BN 0988	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
15		XD CN MỎ	04/05	815/05	19/05	BN 1459	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
16		DVVT QUẢNG NINH	05/05	816/05	20/05	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
17		CP HÀNG HẢI VN	12/05	818-B/05	20/05	BN 2616	BÙN 3B	1 700		1 700		TD	THAY TBGT SO 818/05 NGÀY 05/05/2025
18		ĐT TMDV VINACOMIN	03/06	832-B/05	18/06	BN 2122	CÁM 4B.1	2 000		2 000		TD	THAY TBGT SỐ 832/05 NGÀY 06/05/2025
19		THAN SÔNG HỒNG	02/06	834/05	17/06	BN 1858	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
20		DVVT QUẢNG NINH	07/05	841/05	22/05	BN 2228	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
21		CROMIT THANH HOÁ	08/05	843/05	14/05	NĐ 2926	BÙN 3B	1 408		1 408		TD	
22		KDT NINH BÌNH	14/05	878/05	31/05	BN 8519	CÁM 4A.1	3 005		3 005			
23		THAN UÔNG BÍ	14/05	880/05	31/05	BN 1886	BÙN 3B	900		900		TD	THAY TBGT SỐ 860/05 NGÀY 11/05/2025
24		KDT CẦU ĐUỐNG	15/05	884/05	31/05	BN 2056	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
25		KDT BẮC THÁI	18/05	892/05	31/05	BN 0746	CÁM 1	750		750		TD	THAY TBRT SO 572/03 NGÀY 29/04/2025

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 09THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
26		V-TRACO	21/05	914-B/05	31/05	BN 0979	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	Thay TBGT số 914/05 ngày 21/05/2025
27		KDT BẮC THÁI	28/05	932/05	31/05	HD 1818	CÁM 1	1 981		1 981		TD	
28		KDT BẮC THÁI	28/05	933/05	31/05	BN 1158	CÁM 2A.1	1 250		1 250		TD	
29		KDT BẮC THÁI	28/05	934/05	31/05	BN 2033	CÁM 4A.1	1 250		1 250		TD	
30		VTT VINACOMIN	28/05	937/05	31/05	BN 1468	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
31		CROMIT THANH HOÁ	29/05	943/05	31/05	HD 2095	CỤC XÔ 1C	1 988		1 988		TD	
32		CROMIT THANH HOÁ	29/05	944/05	31/05	NB 8927	CÁM 4B.1	3 020		3 020		TD	
33		KDT CẦU ĐUỐNG	31/05	947/05	31/05	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
34		KDT HÀ NỘI	31/05	948/05	31/05	BN 1386	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	
35		ĐT TMDV VINACOMIN	02/06	953/05	17/06	BN 1826	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	
36		DVVT QUẢNG NINH	02/06	955/05	17/06	BN 1879	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000			
37		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000			
38		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XÔ 1C	1 020		1 020			
39		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XÔ 1C	1 550		1 550		TD	
40		THAN SÔNG HỒNG	06/06	977/06		BN 2006	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	
41		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CÁM 5A.1	8 750		8 750			
	Tàu chuyển tải							**270 550**	**75 673**	**194 877**			
	Tàu đang làm hàng							***125 450***	***75 673***	***49 777***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN	26/05	925/05		HẢI NAM 39	CÁM 6A.10	28 850	28 545	305	6/6		KDT CP:8.233,8 - CLM:10.428,47 - KVCP: 9.882,66
2		CP DK HÀ TĨNH	04/06	959-B/06	17/06	QUANG VINH 188	CÁM 5A.10	22 800	22 960	- 160	7/6		
3		ĐIỆN VĨNH TÂN	05/06	960-B/05		TRƯỜNG NGUYÊN STAR	CÁM 6A.10	23 000	17 745	5 255	DỞ		KDT CP:6.000 - CLM:8.000 - KVCP:9.300
4		ĐIỆN VĨNH TÂN	05/06	970/06		HẢI NAM 89	CÁM 6A.14	30 200	4 623	25 577	DỞ		TTCO: 21.200 - CLM:5.000 - KDT CP:4.000
5		ĐIỆN VŨNG ÁNG	05/06	975/06		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 5A.14	20 600	1 800	18 800	DỞ		KDT CP:10.000 - CLM:10.600
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***145 100***		***145 100***			
1		CP DK HÀ TĨNH	02/06	957/05	17/06	VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.10	22 750		22 750			TTCO:22.750
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	04/06	966/06		HẢI NAM 88	CÁM 6A.1	23 150		23 150			TTHG:20.000 - KVCP:3.150
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI	06/06	974/06		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 5B.14	26 000		26 000			TTHG:13.000 - KDT CP:13.000
4		ĐIỆN DUYÊN HẢI	06/06	976/06		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	25 500		25 500			TTCO:25.500
5		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	06/06	980/06		HẢI NAM 81	CÁM 6A.1	47 700		47 700			TTCO:25.000 - 22.700
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**39 930**	**15 422**	**24 508**			
	Tàu đã làm hàng							***16 735***	***15 422***	***1 313***			
1		CP ĐTTM&DV	04/6	233	17/6	BN 2835	Cám 8A	1 926	1 920	6	6/6		

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 09THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2		MIỀN BẮC	04/6	231	17/6	BN - 2189	CẨM 7B	1 400	1 384	16	6/6		
3		HẢI PHÒNG	5/06	248	20/6	HD 8789	Cám 6B.1	2 314	2 304	10	6/6		
4		HÀ BẮC	4/06	196	17/6	BN 2168	Cám 5B.1	1 500	1 480	20	6/6		
5		MIỀN BẮC	6/06	291	20/6	BN 0766	Cám 7B	1 250	1 242	8	6/6	PT CB	
6		SXKD khoáng sản, DV cảng TNV	04/6	197	19/6	BN - 1829	CẨM 8A	1 660	1 627	33	7/6	TD	
7		HẢI PHÒNG	06/6	300	21/6	HD 6818	Cám 6b.1	1 850	1 835	15	7/6		
8		XNK THAN	05/6	251	20/6	BN 1386	Cục xô 1a	1 000	996	4	7/6	TD	
9		SXKD khoáng sản, DV cảng TNV	07/06	1 481	22/06	BN 1296	Cám 8a	1 250	1 239	11	8/6	TD	
10		KDT Miền Bắc	08/06	282	23/06	BN 2728	Cám 7b	2 585	1 396	1 189	Dở	PTCB	
	Tàu đã làm lệnh							***23 195***		***23 195***			
1		CẦU ĐUỐNG	01/6	22	14/6	BN - 2269	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
2		COALIMEX	02/6	80	15/6	THANH BÌNH 05	CẨM 7A	3 000		3 000		PT CB	
3		CP DVVT QNINH	02/6	87	15/6	BN - 2646	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
5		CP DVVT QNINH	03/6	112	16/6	BN - 2556	CẨM 8A	1 650		1 650		TD	
6		CP ĐTTM&DV	03/6	125	16/6	BN - 2335	CỤC 1B	1 200		1 200		TD	
7		COALIMEX	03/6	137	16/6	HD - 2299	CẨM 8A	1 976		1 976		PT CB	
9		SÔNG HỒNG	03/6	141	16/6	HN - 1645	CẨM 8A	996		996		TD	
10		CẦU ĐUỐNG	03/6	154	16/6	BN - 1468	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
11		MIỀN BẮC	04/6	191	17/6	BN - 2699	CẨM 7B	1 963		1 963		PT CB	
12		CP DVVT QNINH	04/6	193	17/6	HN 2422	CẨM 8A	2 100		2 100		TD	
13		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠN	04/6	197	17/6	BN - 1829	CẨM 8A	1 660		1 660		TD	
14		CP ĐTTM&DV	04/6	219	17/6	BN - 1299	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
15		CP ĐTTM&DV	04/6	220	17/6	BN - 0988	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
16		CẦU ĐUỐNG	04/6	221	17/6	BN - 1368	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
17		MIỀN BẮC	04/6	231	17/6	BN - 2189	CẨM 7B	1 400		1 400		PT CB	
18		CP ĐTTM&DV	04/6	232	17/6	BN - 1988	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**6 310**	**6 268**	**42**			
	Tàu đã làm hàng							***6 310***	***6 268***	***42***			
1		CP SX & TM UÔNG BÍ			187/6	BN 1826	Cục Xô 1B	1 000	996	4	7/6		
2		CP SX, KD KHOÁNG SẢN			197/6	BN 1829	Cám 8A	1 660	1 627	33	7/6		
3		ĐIỆN LỰC DK HÀ TĨNH			45936	SƠN HẢI 10	Cám 5a.14	3 650	3 645	5	8/6		
	Tàu đã làm lệnh												
IV	**KHO CẢNG KM6**							**10 120**	**4 677**	**5 443**			
	Tàu đã làm hàng							***4 700***	***4 677***	***23***			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 09THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		CBT QUẢNG NINH	04/6	205	18/6	QN 8698	Cám 6a.1	3 200	3 186	14	07/6	CBPT	
2		DV VT QUẢNG NINH	06/6	314	21/6	BN 2115	Bùn 3c	1 500	1 491	9	07/6	TD	
	Tàu đã làm lệnh							***5 420***		***5 420***			
1		CBT QUẢNG NINH	04/6	205	18/6	QN 8698	Cám 6a.1	3 200		3 200		CBPT	
2		KDT HẢI PHÒNG	05/6	271	19/6	BN 1856	Cám 6b.1	1 200		1 200		CBPT	
3		VTT VINACOMIN	05/6	256	19/6	BN 1879	Don 8a	1 020		1 020		TD	
V	**TÀU XUẤT KHẨU**												
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh												
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIEU HÀNH***				**44 250**	**22 996**	**21 254**			
	Tàu đã làm hàng							***29 250***	***22 996***	***6 254***			
1		ÚC	31/5	CLM		MV MAINE WISDOM		10 000	10 126	- 126	8/6		
2		ÚC	31/5	CLM		TRANSCENDEN WISDOM		19 250	12 870	6 380	DỞ		
	Tàu đã làm lệnh							***15 000***		***15 000***			
1		NAM PHI	31/5	CLM		DELAN DUFF		15 000		15 000			